Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9303.30.10

Mã HS	9303.30.10
Mô tả hàng hóa	Súng cầm tay (firearm) khác và các loại tương tự hoạt động bằng cách đốt cháy lượng thuốc nổ đã nạp (ví dụ, súng shotgun thể thao và súng trường thể thao, súng cầm tay nạp đạn phía nòng, súng lục bắn pháo hiệu và các loại khác được thiết kế chỉ để phóng pháo hiệu, súng lục và súng lục ổ quay để bắn đạn giả, súng bắn gia súc giết mổ, súng phóng dây) / - Súng trường thể thao, súng trường săn hoặc súng trường bắn bia khác: / - - Súng trường săn
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 12:48:58
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/93033010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	45	45%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18427
Thuế NK ưu đãi (MFN)	30	30%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18427
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18427
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	6,1; M: 9,2	6,1% · M: 9.2%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	30	30%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AANZFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
ACFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AJCEP	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
ATIGA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

RCEP (Phụ lục A)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục B)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục C)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục D)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục E)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục F)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VCFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VJEPA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AC!E17750
ATIGA	2022	2022	*	AT!E17679
ATIGA	2023	2023	*	AT!F17679
ATIGA	2024	2024	*	AT!G17679
ATIGA	2025	2025	*	AT!H17679
ATIGA	2026	2026	*	AT!I17679
ATIGA	2027	2027	*	AT!J17679
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	*	AJ!E17735
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	*	AJ!F17735
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	*	AJ!G17735
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	*	AJ!H17735

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	*	AJ!I17735
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	*	AJ!J17735
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	*	VJ!E17736
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	*	VJ!F17736
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	*	VJ!G17736
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	*	VJ!H17736
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	*	VJ!I17736
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	*	VJ!J17736
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AK!F17741
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AANZ!H17698
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F17693
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G17693
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H17693
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I17693
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J17693
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K17693
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17739
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17739
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17739
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17739
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17739
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17739
VCFTA	2022	2022	*	VC!D17801
VCFTA	2023	2023	*	VC!E17801
VCFTA	2024	2024	*	VC!F17801
VCFTA	2025	2025	*	VC!G17801

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	*	VC!H17801
VCFTA	2027	2027	*	VC!I17801
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17779
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17779
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17779
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17779
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17779
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17779
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D17772
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E17772
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F17772
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G17772
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H17772
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I17772
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17802
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17802
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17802
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17802
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17802
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17802
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17801
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17801
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17801
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17801
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17801
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17801

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	21,6	CPTPP!D17895
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	18,5	CPTPP!E17895
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	15,4	CPTPP!F17895
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	12,3	CPTPP!G17895
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	9,2	CPTPP!H17895
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	6,1	CPTPP!I17895
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	3	CPTPP!J17895
RCEP A	2022	2022	*	RCEPT-A!D17764
RCEP A	2023	2023	*	RCEPT-A!E17764
RCEP A	2024	2024	*	RCEPT-A!F17764
RCEP A	2025	2025	*	RCEPT-A!G17764
RCEP A	2026	2026	*	RCEPT-A!H17764
RCEP A	2027	2027	*	RCEPT-A!I17764
RCEP B	2022	2022	*	B!D17764
RCEP B	2023	2023	*	B!E17764
RCEP B	2024	2024	*	B!F17764
RCEP B	2025	2025	*	B!G17764
RCEP B	2026	2026	*	B!H17764
RCEP B	2027	2027	*	B!I17764
RCEP C	2022	2022	*	C!D17762
RCEP C	2023	2023	*	C!E17762
RCEP C	2024	2024	*	C!F17762
RCEP C	2025	2025	*	C!G17762
RCEP C	2026	2026	*	C!H17762
RCEP C	2027	2027	*	C!I17762
RCEP D	2022	2022	*	D!D17761

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	*	D!E17761
RCEP D	2024	2024	*	D!F17761
RCEP D	2025	2025	*	D!G17761
RCEP D	2026	2026	*	D!H17761
RCEP D	2027	2027	*	D!I17761
RCEP E	2022	2022	*	E!D17765
RCEP E	2023	2023	*	E!E17765
RCEP E	2024	2024	*	E!F17765
RCEP E	2025	2025	*	E!G17765
RCEP E	2026	2026	*	E!H17765
RCEP E	2027	2027	*	E!I17765
RCEP F	2022	2022	*	F!D17764
RCEP F	2023	2023	*	F!E17764
RCEP F	2024	2024	*	F!F17764
RCEP F	2025	2025	*	F!G17764
RCEP F	2026	2026	*	F!H17764
RCEP F	2027	2027	*	F!I17764
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16646
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16646
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16646
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16646

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-009	YELLOW	CPTPP: mức thuế riêng “M:”	Ô CPTPP “6,1; M: 9,2” có mức chung 6,1% và mức “M:” 9.2% (thường hiểu là biểu áp dụng cho Mê-hi-cô – cần xác minh).		115/2022/NĐ-CP	Xác định biểu thuế CPTPP áp dụng cho nước xuất xứ theo Nghị định 115/2022/NĐ-CP.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
FTA-010	YELLOW	Khác biệt giữa biểu tổng hợp và biểu FTA gốc	CPTPP: biểu tổng hợp BT2026 ghi “6,1; M: 9,2”, biểu FTA gốc kỳ (VI) ghi “6,1”.		115/2022/NĐ-CP	Đối chiếu Nghị định gốc và văn bản sửa đổi để xác định mức chính xác.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	VN-LAO 30%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (30%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 30%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9303.30 có 2 dòng thuế; dòng 9303.30.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Súng trường săn.	9303.30.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9303.30.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 30% của mã 9303.30.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18427), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.